

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU
CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Điện tử; Chuyên ngành: Vô tuyến điện và truyền thông

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Thị Thúy Hiền

2. Ngày tháng năm sinh: 11/10/1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Thụy Việt, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Tổ 30, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 11, Ngách 168/109 Đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 02438686191; Điện thoại di động: 0914330826;

E-mail: hienptt@ptit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 11/1999 đến 06/2025: Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ cơ quan: 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438544451

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 12 tháng 07 năm 1999, số văn bằng: B161627, ngành: Vô tuyến điện và thông tin liên lạc, chuyên ngành: Kỹ thuật viễn thông

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 16 tháng 11 năm 2005, số văn bằng: A018322, ngành: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, chuyên ngành: Kỹ thuật viễn thông

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 14 tháng 04 năm 2017, số văn bằng: 006789, ngành: Kỹ thuật viễn thông, chuyên ngành: Kỹ thuật viễn thông

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Thiết kế, phân tích và đề xuất các giải pháp cải thiện hiệu năng các hệ thống truyền thông không dây trong đó tập trung vào các hệ thống truyền thông không dây sử dụng dải tần sóng milimet (MMW), hệ thống truyền thông quang không gian tự do (FSO) trên mặt đất và phi mặt đất; hệ thống truyền thông ánh sáng nhìn thấy (VLC) trong nhà, ngoài trời và dưới nước.
- Nghiên cứu, đề xuất các kỹ thuật xử lý tín hiệu tiên tiến tại lớp vật lý nhằm nâng cao hiệu năng truyền dẫn và cải thiện hiệu năng an ninh của các hệ thống truyền thông trong đó tập trung vào các kỹ thuật đa truy nhập phân chia theo mã quang và phân phối khóa lượng tử (QKD).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 5 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 58 bài báo khoa học, trong đó 18 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi luôn tuân thủ chuẩn mực đạo đức nhà giáo, tận tâm với công việc, được đồng nghiệp và sinh viên đánh giá cao về trách nhiệm và sự công bằng; đã giảng dạy 24 năm 6 tháng, hướng dẫn 03 luận văn thạc sĩ; công bố 58 bài báo trên tạp chí/hội nghị quốc tế/trong nước, chủ nhiệm 05 đề tài cấp cơ sở đóng góp vào lĩnh vực điện tử, viễn thông; tham gia xây dựng đề cương, bài giảng các học phần, tham gia biên soạn 01 tài liệu tham khảo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; đáp ứng số năm công tác theo quy định chức danh Giáo sư nhà nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 24 năm 06 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019 - 2020				4	270		270/349,2/270
2	2020 - 2021				4	324		324/418,9/270
3	2021 - 2022				4	392		392/511,3/270
03 năm học cuối								
4	2022 - 2023				4	358		358/475,4/270

5	2023 - 2024				4	286		286/351,6/270
6	2024 - 2025				7	268		268/326,7/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEIC 625

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Xuân Sơn		X	X		11/2019 đến 12/2020	Học viện Công nghệ Bưu chính	18/03/2021

							Viễn thông	
2	Bùi Văn Mạnh		X	X		06/2021 đến 12/2021	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	14/04/2022
3	Bùi Ngọc Tú		X	X		06/2021 đến 12/2021	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	14/04/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Nguyên lý và hiệu năng hệ thống truyền thông quang không dây	TK	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, năm 2024	2	VC	(102- 193)	Quyết định số 1045/QĐ-HV ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Phân tích hiệu năng hệ thống FSO chuyển tiếp quang	CN	11-HV-2015-RD-VT, cấp Cơ sở	02/03/2015 đến 30/11/2015	06/12/2015/Xuất sắc
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Mạng VLC sử dụng đa truy nhập phân chia theo mã quang	CN	13-2019-HV-VT1, cấp Cơ sở	25/03/2019 đến 29/11/2019	22/12/2019/Xuất sắc
3	Cải thiện hiệu năng hệ thống phân phối khóa lượng tử với kỹ thuật phát lại	CN	12-2020-HV-VT1, cấp Cơ sở	03/04/2020 đến 30/11/2020	23/12/2020/Đạt
4	Bảo mật mạng truyền thông quang không dây dưới nước sử dụng CDMA	CN	09-2022-HV-VT1, cấp Cơ sở	21/03/2022 đến 30/11/2022	08/12/2022/Đạt
5	Bảo mật lớp vật lý cho truyền thông quang đa chặng trong môi trường nước	CN	13-2023-HV-VT1, cấp Cơ sở	20/02/2023 đến 30/11/2023	28/11/2023/Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Design and Optimization of FSO Mesh Networks over Atmospheric	5	Không	Proc. of the IEEE 2016 International Conferences on Advanced Technologies for	Hội nghị Scopus	2	334-339	10/2016

	Turbulence and Misalignment Fading Channels			Communications (ATC 2016) Electronic ISSN: 2162-1039				
2	All-Optical Two-Way Relaying Dual-Hop FSO Systems Using Network Coding Over Atmospheric Turbulence Channel	4	Không	Proc. of the IEEE 2016 International Conferences on Advanced Technologies for Communications (ATC 2016) Electronic ISSN: 2162-1039	<i>Hội nghị Scopus</i>	7	338-343	10/2016
3	Performance Analysis of Network-Coded Two-Way Dual-Hop Mixed FSO/RF Systems	6	Không	Proc. of the IEEE 2016 International Conferences on Advanced Technologies for Communications (ATC 2016) Electronic ISSN: 2162-1039	<i>Hội nghị Scopus</i>	8	70-75	10/2016
4	Performance Analysis of MMW/RoF Link in Broadband Optical-Wireless Access Networks	4	Không	Proc. of the third IEEE/NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NISC 2016) Electronic ISBN:978-1-5090-2100-0)	<i>Hội nghị Scopus</i>	3	153-158	09/2016
5	Secured Relay-Assisted Atmospheric Optical CDMA Systems over Turbulence Channels	4	Có	IET Optoelectronics ISSN: 1751-8768	Có - SCIE <i>IF: 1.6, Scopus Q3 (2015)</i>	9	9, 5, 241-248	10/2015

6	Effects of Noise and Distortion on Performance of OFDM Millimeter-wave RoF Systems	4	Không	Proc. of the second IEEE/NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2015) Electronic ISBN:978-1-4673-6640-3	<i>Hội nghị Scopus</i>	6	153-157	09/2015
7	Effects of Atmospheric Turbulence and Misalignment Fading on Performance of Serial Relaying M-ary PPM FSO Systems with Partially Coherent Gaussian Coherent Beam	3	Có	IET Communications ISSN: 1751-8628	Có - SCIE <i>IF: 1.6, Scopus Q2 (2014)</i>	31	8, 10, 1762-1768	07/2014
8	BER Performance of All-Optical AF Dual-Hop FSO Systems over Gamma-Gamma Atmospheric Turbulence Channels	3	Có	Vietnam Journal of Science and Technology ISSN: 2525-2518			52, 6C, 1-11	12/2014
9	A Survey of Performance Improvement Methods for Free-Space Optical	4	Có	Proc. of the 2014 International Conferences on Advanced Technologies for Communications (ATC	<i>Hội nghị Scopus</i>	18	772-777	10/2014

	Communication Systems			2014) ISSN: 2162-1020				
10	Performance Analysis of Spatial PPM-based Free-space Optical Communication Systems with Gaussian Beam	3	Có	Proc. of the 2014 International Conferences on Advanced Technologies for Communications (ATC 2014) ISSN: 2162-1020	<i>Hội nghị Scopus</i>	20	144-148	10/2014
11	Performance of Relay-Assisted Free-space Optical CDMA Systems Over Log-normal Atmospheric Turbulence Channels	4	Không	Proc. of the IEEE/IET International Symposium on Communication Systems, Networks, and Digital Signal Processing (CSNDSP 2014) Electronic ISBN:978-1-4799-2581-0	<i>Hội nghị Scopus</i>	3	330-335	07/2014
12	BER Performance of Bit Detect-and-Forward Multi-hop FSO Systems over Dispersive Turbulence Channel	3	Có	Vietnam Journal of Science and Technology ISSN: 2525-2518			51, 1A, 40-50	03/2013
13	Performance of Multi-hop M-ary PPM FSO Systems with SIMO Links over Strong Atmospheric	3	Không	Proc. of the 3th World Congress on Information and Communication Technologies (WICT2013)	<i>Hội nghị Scopus</i>	4	121-126	12/2013

	Turbulence Channel and Pointing Errors			Electronic ISBN:978-1-4799-3230-6				
14	BER Analysis of All-optical AF Dual-Hop FSO Systems over Gamma-Gamma Channels	4	Không	Proc. of the 4th IEEE International Conference on Photonics (ICP 2013) ISSN: 2330-5665	<i>Hội nghị Scopus</i>	16	175-177	10/2013
15	Average BER Analysis of Multihop FSO Systems over Strong Turbulence and Misalignment Fading Channel	3	Không	Proc. of the 2nd IEEE/CIC International Conference on Communications in China (ICCC2013) ISSN: 2377-8644	<i>Hội nghị Scopus</i>	10	153-157	09/2013
16	A Comprehensive Model for Performance Analysis of APD-based FSO Systems using M-PPM Signaling in Atmospheric Turbulence	2	Có	REV Journal on Electronics and Communications, ISSN: 1859-378X		10	2, 3-4, 147-152	12/2012
17	Reducing Atmospheric Turbulence Effects in FSO/CDMA Systems by using Multi-	3	Không	Proc of the IEEE 18th Asia Pacific Conference on Communications (APCC 2012) ISSN: 2163-0771	<i>Hội nghị Scopus</i>	1	338-343	10/2012

	wavelength PPM Signaling							
18	A Comprehensive Performance Analysis of PPM-based FSO Systems with APD Receiver in Atmospheric Turbulence	4	Có	Proc. of the 2012 International Conferences on Advanced Technologies for Communications (ATC 2012) Electronic ISSN: 2162-1039	<i>Hội nghị Scopus</i>	8	357-361	10/2012
19	A Novel Scheme of Optical Code-based Header Processing for OBS Networks using JIT Signaling	4	Không	Proc. of the 4th International Conference on Communications and Electronics (ICCE 2012) Electronic ISBN: 978-1-4673-2493-9	<i>Hội nghị Scopus</i>		25-30	08/2012
20	Novel Multi-code Pulse Position Modulation for Performance Improvement of 2-D OCDMA Systems	3	Không	Proc. of the IEEE 17th Asia Pacific Conference on Communications (APCC 2011) ISSN: 2163-0771	<i>Hội nghị Scopus</i>	3	96-101	10/2011
21	A Novel Scheme of 2-D Optical Code Label for Core GMPLS Networks	5	Không	Proc. of the 2011 International Conferences on Advanced Technologies for Communications (ATC 2011) Electronic ISSN: 2162-1039	<i>Hội nghị Scopus</i>		144-147	08/2011
22	Novel 2-D OCDMA	3	Không	Proc. of the 3rd International		1	242-246	08/2010

	Systems using Multi-code Modulation and Optical Hard-limiter			Conference on Communications and Electronics (ICCE 2010) Electronic ISBN:978-1-4244-7058-7				
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
23	Joint Adaptive Modulation and Power Control Scheme for Energy Efficient FSO-based Non-Terrestrial Networks	3	Có	EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems ISSN:2410-0218	Có – Scopus Q3 (2025)		12, 1, 1-12	01/2025
24	Enhancing FSO-Based Non-Terrestrial Network Performance by Using Adaptive Beam Control	5	Có	Proc. of the Fifth International Conference on Intelligent Systems & Networks (ICISN 2025)	<i>Hội nghị Scopus, Best paper award</i>		1-10	03/2025
25	Enhancing the Reliability of Hybrid FSO/Sub-THz Systems by Utilizing IRS and a Dual-Threshold Switching Mechanism	5	Có	Proc. of the Fifth International Conference on Intelligent Systems & Networks (ICISN 2025)	<i>Hội nghị Scopus</i>		1-10	03/2025
26	Adaptive Power Control Scheme for FSO-Based	4	Có	Proc. of the first International Workshop on Mobile Communications and			29-30	07/2024

	Non-Terrestrial Networks			Applications (IWMCA2024)				
27	Harvested Energy Evaluation of Free-Space Optics RIS-Assisted Ground-HAP-UAV System over Composite Channels	4	Không	Proc. of the 2024 IEEE 99th Vehicular Technology Conference: VTC2024-Spring Electronic ISSN: 2577-2465 Print on Demand(PoD) ISSN: 1090-3038	<i>Hội nghị Scopus</i>		1-5	06/2024
28	MAC Protocols for UAV-Aided Relaying Optical Ground-To-HAP Networks	6	Không	Proc. of the IEEE 2024 International Conferences on Advanced Technologies for Communications (ATC 2024) Electronic ISSN: 2162-1039 Print on Demand(PoD) ISSN: 2162-1020	<i>Hội nghị Scopus</i>		992-997	10/2024
29	Tradeoff Between BER and Secrecy Capacity for CDMA-Based Underwater OWC Systems	3	Có	Proc. of the IEEE 2024 International Conferences on Advanced Technologies for Communications (ATC 2024) Electronic ISSN: 2162-1039 Print on Demand(PoD) ISSN: 2162-1020	<i>Hội nghị Scopus</i>		974-979	10/2024
30	Optical Intelligent Reflecting Surface-Assisted	6	Không	Proc. of the International Conference on Computing and			29-34	12/2024

	Multiple Users Over Turbulence Channels			Communication Technologies (RIVF 2024) Electronic ISSN: 2473-0130				
31	Enhancing Design and Performance Analysis of Satellite Entanglement-based CV-QKD/FSO Systems	5	Không	IEEE Access ISSN:2169-3536	Có - ISI <i>IF: 3.9,</i> <i>Scopus Q1 (2023)</i>	4	11 112097- 112107	10/2023
32	Availability of Free-Space Laser Communication Link with the Presence of Clouds in Tropical Regions	4	Không	EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems ISSN: 2410-0218	Có – Scopus <i>Q2 (2023)</i>	3	10, 3, 1- 15	08/2023
33	Satellite continuous-variable quantum key distribution systems using code-division multiple access	4	Không	Opt. Continuum ISSN: 2770-0208	Có – Scopus <i>Q2 (2023)</i>	2	2, 2, 289- 302	01/2023
34	Outage Performance of RIS-Aided FSO-Based Ground-Air Integrated	2	Không	Journal of Science and Technology on Information and Communications ISSN: 2525-2224			1, 4, 25- 32	12/2023

	Vehicular Networks							
35	Physical Layer Security for Multihop Underwater Wireless Optical Communications Using Optical CDMA	3	Không	Journal of Science and Technology on Information and Communications ISSN: 2525-2224			1, 3, 17-27	10/2023
36	Performance of Underwater Wireless Optical IoT Networks Using CDMA	2	Có	Journal of Science and Technology on Information and Communications ISSN: 2525-2224			1, 2, 24-30	06/2022
37	Performance Enhancement of Satellite-To-Ground FSO System Using Deep Learning-Based Detection	4	Không	Proc. of the 9th IEEE/NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2022) Electronic ISBN:978-1-6654-5422-3	<i>Hội nghị Scopus</i>	1	322-327	10/2022
38	Energy Harvesting in FSO Unmanned Aerial Vehicle Communication Systems with Atmospheric Turbulence and Hovering	4	Không	Proc. of the IEEE 2022 International Conferences on Advanced Technologies for Communications (ATC 2022)	<i>Hội nghị Scopus</i>		422-427	10/2022
39	High altitude platform-aided Two way Relaying for	5	Có	Optical Engineering ISSN: 1560-2303	Có - SCIE <i>IF: 1.2 Scopus Q2 (2021)</i>	4	60, 9, 096107	09/2021

	FSO Access Network using Optical CDMA							
40	Reliability improvement of satellite-based quantum key distribution systems using retransmission scheme	5	Không	Photonic Network Communications ISSN: 2191-6322	Có - SCIE <i>IF: 1.7</i> <i>Scopus Q3 (2021)</i>	4	42 27-39	06/2021
41	Performance Enhancement of HAP-based Relaying M-PPM FSO System using Spatial Diversity and Heterodyne Detection Receive	5	Không	Journal of Optical Communications, ISSN: 2191-6322	Có - Scopus <i>Q3 (2021)</i>	11	42, 1, 111-120	01/2021
42	Satellite Quantum Key Distribution for Vehicular Visible Light Communication Networks	4	Không	Proc of the 2020 IEEE Eighth International Conference on Communications and Electronics (ICCE 2020) Electronic ISBN: 978-1-7281-5471-8	<i>Hội nghị</i> <i>Scopus</i>	8	45-50	02/2021
43	Hệ thống phân phối khóa lượng tử đa kênh từ vệ tinh sử dụng SCM-WDM	4	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Quân sự ISSN: 1859-1043			42, 72, 35-43	04/2021
44	Comprehensive performance analysis of	4	Không	Optical Engineering ISSN: 1560-2303	Có - SCIE <i>IF: 1.2,</i> <i>Scopus</i>	7	59, 12, 126102	12/2020

	satellite-to-ground FSO/QKD systems using key retransmission				<i>Q2 (2020)</i>			
45	Cải thiện hiệu năng hệ thống QKD với kỹ thuật truyền khóa lại	1	Có	Tạp chí Khoa học Công nghệ Thông tin và Truyền thông ISSN: 2525-2224			2, 1, 41-46	09/2020
46	Performance Enhancement of Satellite FSO/QKD Systems using HAP-based Relaying and ARQ	5	Không	Proc. of the IEEE 2020 International Conferences on Advanced Technologies for Communications (ATC 2020) Electronic ISSN: 2162-1039	<i>Hội nghị Scopus</i>		12-17	10/2020
47	Analog network coding aided multiuser visible light communication networks using optical CDMA	2	Có	OSA Continuum ISSN: 2578-7519	Có - Scopus <i>Q2</i>	4	2, 9, 2569-2580	09/2019
48	Performance Analysis of Hybrid Fiber/FSO Backhaul Downlink over WDM-PON Impaired by Four-Wave Mixing	6	Không	Journal of Optical Communications, ISSN: 2191-6322	Có – Scopus <i>Q4 (2019)</i>	9	41, 1, 91-98	12/2019

49	Quantum Key Distribution Solution over Visible Light Communication Networks	5	Không	Proc of the 4th International Conference on Photonics Solutions (ICPS2019) Electronic ISBN: 978-1-6654-1044-1:	<i>Hội nghị Scopus</i>	4	55-63	11/2019
50	Satellite-based Free-Space Quantum Key Distribution Systems using QPSK Modulation and Heterodyne Detection Receiver	5	Không	Proc of the IEEE 19th International Symposium on Communications and Information Technologies (ISCIT 2019) Best Paper Award Electronic ISSN: 2643-6175	<i>Hội nghị Scopus</i>	10	265-270	09/2019
51	Performance Enhancement of LEO-to-Ground FSO Systems using All-optical HAP-based Relaying	4	Không	Physical Communication ISSN: 1874-4907	Có - SCIE <i>IF:2.2; Q2 (2018)</i>	23	31 218-229	12/2018
52	All-Optical Two-Way Relaying Free-Space Optical Communications for HAP-based Broadband Backhaul Networks	4	Không	Optics Communications ISSN:0030-4018	Có - SCIE <i>IF: 2.4 Scopus Q1 (2018)</i>	11	410 277-286	03/2018
53	Topology Design and Cross-Layer	4	Không	Journal of Optical Communications and	Có - SCIE <i>IF: 5.0 Scopus</i>	12	9, 12, 1097-1107	12/2017

	Optimization for FSO Mesh Networks Impaired by Atmospheric Turbulence and Misalignment Fading			Networking ISSN: 1943-0620	<i>Q1 (2017)</i>			
54	High-Capacity Mixed Fiber-Wireless Backhaul Networks Using MMW Radio-over-MCF and MIMO	4	Không	Optics Communications ISSN:0030-4018	Có - SCIE <i>IF: 2.4</i> <i>Scopus</i> <i>Q1 (2017)</i>	4	400 43-49	10/2017
55	Performance Improvement of Spatial Modulation-Assisted FSO Systems over Gamma-Gamma Fading Channels with Geometric Spreading	2	Có	Photonic Network Communications ISSN: 1387-974X	Có - SCIE <i>IF: 1.7</i> <i>Scopus</i> <i>Q3 (2017)</i>	28	34, 2, 213-220	08/2017
56	Numerical Analysis of the Performance of Millimeter-wave RoF-based Cellular Backhaul Links	4	Không	Journal of Optical Communications ISSN: 2191-6322	Có - Scopus <i>Q4 (2017)</i>	5	38, 3, 309-318	08/2017
57	A Performance Comparison of Gigabit-Capable	5	Không	UDN Journal of Science and Technology, Issues in		2	3, 1, 38-45	03/2017

	Backhauling Solutions for 5G Cellular Networks			Information and Communication Technology ISSN: 1859-1531				
58	HAP-based FSO System using All-Optical Detect-Amplify-and-Forward Relaying and Coherent Detection Receiver	6	Không	Proc. of the fourth IEEE/NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2017) Electronic ISBN: 978-1-5386-3210-9	<i>Hội nghị Scopus</i>	4	144-149	11/2017

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 4 ([23] [39] [47] [55])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2025

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**



Phạm Thị Thúy Hiền